

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 01-6-2023

V/v tranh chấp: "Xin ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Ngọc Tuyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lý Ngọc Lan.

Ông Nguyễn Đắc Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Công Danh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Thanh Bạch - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2022 về việc tranh chấp "Xin ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Kim N, sinh năm 1985 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp H, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Anh Luu Chung V, sinh năm 1965 (vắng mặt);

Quốc tịch: Việt Nam;

Địa chỉ: Hoa Kỳ;

Nơi làm việc: Hoa Kỳ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Kim N trình bày:*

Đầu năm 2016, chị và anh Luu Chung V quen biết nhau thông qua người bạn ở Hoa Kỳ vì anh Luu Chung V là hàng xóm của bạn chị. Anh Luu Chung V thường sang nhà bạn chị chơi, thời điểm chị gọi sang Hoa Kỳ thì tình cờ quen biết và nói chuyện với anh Luu Chung V, sau đó cả hai dần có tình cảm với nhau. Đầu năm 2017, anh Luu Chung V về Việt Nam đăng ký kết hôn với chị tại

Ủy ban nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang (vào ngày 17/02/2017); anh Luu Chung V ở Việt Nam khoảng nửa tháng rồi trở về Hoa Kỳ. Sau khi về Hoa Kỳ, anh Luu Chung V làm hồ sơ bảo lãnh chị sang định cư cùng với anh vì anh đã lớn tuổi, anh mong muốn chị sang Hoa Kỳ cùng anh sinh sống. Tuy nhiên, trong thời gian bảo lãnh hai năm, anh Luu Chung V không thể về Việt Nam được vì bận công việc ở hãng bò Tyson. Tháng 8/2019, chị được gọi phỏng vấn Visa, một số giấy tờ thủ tục gặp trục trặc cần bổ sung gấp trong hai tháng nhưng anh Luu Chung V không thể về Việt Nam vì đang chịu án treo một năm nên việc định cư tại Hoa Kỳ của chị bị hoãn lại. Kể từ thời điểm đó, chị và anh Luu Chung V dần phát sinh nhiều mâu thuẫn, anh Luu Chung V nói rằng không thể chờ chị được nữa nên hai bên dần ít liên lạc với nhau, tình cảm cũng dần rạn nứt vì trái quan điểm. Về sau, chị và anh Luu Chung V hầu như mất liên lạc vì anh Luu Chung V chuyển đến nơi khác sinh sống mà không thông báo với chị, cũng không ai biết nơi anh Luu Chung V chuyển đến. Hai năm gần đây, chị và anh Luu Chung V không còn liên lạc với nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị xin được ly hôn với anh Luu Chung V;
- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Luu Chung V đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng vắng mặt trong suốt quá trình hòa giải, xét xử; cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Kim N, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, cho chị N được ly hôn với anh Luu Chung V; về con chung, tài sản chung, nợ chung: chị N khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Chị Phạm Thị Kim N khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Luu Chung V, xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp “Xin ly hôn” theo quy định tại Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Phạm Thị Kim N có đơn khởi kiện tranh chấp ly hôn với anh Luu Chung V. Anh Luu Chung V hiện đang cư trú tại Hoa Kỳ; làm việc tại 4700 US-75, Sherman, TX 75090, USA là đương sự ở nước

ngoài. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 và điểm c khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

[3] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc ủy thác tư pháp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Luu Chung V theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 474 của Bộ luật Tố tụng dân sự; nhưng anh Luu Chung V không nộp bản tự khai trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng mà không có lý do, vì vậy Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Luu Chung V theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Phạm Thị Kim N vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị N theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Kim N, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Chị Phạm Thị Kim N và anh Luu Chung V quen, tìm hiểu nhau, tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 11 ngày 17/02/2017) nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai của chị N, sau khi kết hôn, anh chị chỉ sống chung với nhau khoảng nửa tháng, sau đó anh Luu Chung V trở về Hoa Kỳ làm thủ tục bảo lãnh chị sang cùng sinh sống với anh. Tuy nhiên, quá trình hoàn thành thủ tục gặp trục trặc nên việc định cư tại Hoa Kỳ của chị bị hoãn lại. Thời gian làm thủ tục bảo lãnh, anh Luu Chung V bận công việc nên không thể về thăm chị; sau khi thủ tục bảo lãnh gặp trục trặc thì anh chị dần phát sinh nhiều mâu thuẫn, anh chị dần ít liên lạc, tình cảm vợ chồng cũng rạn nứt. Một thời gian sau, anh Luu Chung V thay đổi nơi cư trú mà không thông báo nên anh chị mất dần liên lạc với nhau, hai năm gần đây thì hoàn toàn không liên lạc nữa.

Nhận thấy, thời gian chung sống vợ chồng của chị N và anh Luu Chung V chỉ diễn ra được nửa tháng, nửa tháng sau thì người sống tại Việt Nam, người sống tại Hoa Kỳ, xa cách về mặt địa lý. Mục đích cơ bản của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc và bền vững; nhưng chị N và anh Luu Chung V sống xa nhau một thời gian dài từ năm 2017 và không liên lạc nhau cho đến nay khiến cho việc xây dựng gia đình không đạt được, càng không tạo được sự bền vững trong quan hệ vợ chồng. Thêm vào đó, từ khi chị N nộp đơn xin ly hôn đến nay, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng anh Luu Chung V vẫn vắng mặt không lý do, không tham gia các phiên hòa giải, xét xử, cũng không nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của chị N. Từ đó cho thấy anh Luu Chung V không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị N. Cả hai đã không còn tình cảm với nhau, việc kéo dài hôn nhân sẽ không mang lại hạnh phúc cho chị N và anh Luu Chung V.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Kim N đối với anh Luu Chung V.

[5] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị N trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị Phạm Thị Kim N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[8] Về chi phí tố tụng: Chị Phạm Thị Kim N phải chịu chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài theo quy định tại khoản 3 Điều 153 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng được khấu trừ vào các khoản tạm ứng mà chị đã nộp nên xem như chị đã hoàn thành xong nghĩa vụ chịu chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153, Điều 227, Điều 228, Điều 474, Điều 477, khoản 1 và 3 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Kim N.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phạm Thị Kim N được ly hôn với anh Luu Chung V.

2. Về án phí: Chị Phạm Thị Kim N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị N đã nộp theo biên lai số 0000132 ngày 08/4/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang, xem như chị đã nộp xong án phí sơ thẩm.

3. Về chi phí tố tụng: Chị Phạm Thị Kim N phải chịu chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài theo quy định tại khoản 3 Điều 153 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng được khấu trừ vào các khoản tạm ứng mà chị N đã nộp nên xem như chị N đã hoàn thành xong nghĩa vụ chịu chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị Kim N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc

thẩm. Anh Lưu Chung V cư trú ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 12 tháng kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- CTHADS tỉnh Tiền Giang;
- UBND thành phố M,
tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Ngọc Tuyên